

**Công văn**

V/v: Giải trình KQKD riêng Quý 2/2019

Tiền Giang, ngày 05 tháng 05 năm 2019

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại Mục 4, Mục 5, Điều 11:

“4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.”

Bảng thể hiện các thay đổi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa quý 2 năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018:

CHỈ TIÊU	QUÝ 2/2019	QUÝ 2/2018	CHÊNH LỆCH	
			Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.086.313.355.403</b>	<b>756.351.025.031</b>	<b>329.962.330.372</b>	<b>43,63%</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.474.772.621	15.264.554.593	(13.789.781.972)	-90,34%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.084.838.582.782	741.086.470.438	343.752.112.344	46,38%
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>976.710.289.189</b>	<b>836.464.757.897</b>	<b>140.245.531.292</b>	<b>16,77%</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>108.128.293.593</b>	<b>(95.378.287.459)</b>	<b>203.506.581.052</b>	<b>213,37%</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	779.026.985	189.667.968.815	(188.888.941.830)	-99,59%
7. Chi phí tài chính	34.168.386.902	48.830.175.977	(14.661.789.075)	-30,03%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	33.312.536.404	46.378.951.162	(13.066.414.758)	-28,17%
8. Chi phí bán hàng	39.506.868.392	63.437.374.452	(23.930.506.060)	-37,72%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.302.531.301	70.520.250.406	(62.217.719.105)	-88,23%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>26.929.533.983</b>	<b>(88.498.119.479)</b>	<b>115.427.653.462</b>	<b>130,43%</b>
11. Thu nhập khác	8.165.350	310.919.746	(302.754.396)	-97,37%
12. Chi phí khác	810.965.155	8.737.577	802.227.578	9181,35%
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>(802.799.805)</b>	<b>302.182.169</b>	<b>(1.104.981.974)</b>	<b>-365,67%</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>26.126.734.178</b>	<b>(88.195.937.310)</b>	<b>114.322.671.488</b>	<b>129,62%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	0	0	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	1.082.855.438	(1.082.855.438)	-100,00%
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>26.126.734.178</b>	<b>(89.278.792.748)</b>	<b>115.405.526.926</b>	<b>129,26%</b>

**Căn cứ các số liệu thể hiện ở bảng trên, Công ty Cổ Phần Hùng Vương (“Công ty”) (mã chứng khoán HVG) xin được giải trình các thay đổi trọng yếu như sau:**

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 329,9 tỷ đồng, tương đương 43,63%, chủ yếu do:
  - Doanh thu thủy sản tăng 464,7 tỷ đồng;
  - Doanh thu bán thức ăn cho cá tăng 19,6 tỷ đồng%;
  - Quý 2 năm 2019 Công ty có 2 mảng kinh doanh không có doanh thu là thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi, trong khi tổng doanh thu trong quý 2 năm 2018 là 160,7 tỷ đồng.
2. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 203,5 tỷ đồng, tương đương 213,37% chủ yếu do:
  - Hoạt động thủy sản xuất khẩu có lãi gộp trong quý 2 năm 2019 là 20,9 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm 2018 lỗ 55,1 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 76 tỷ đồng;
  - Hoạt động thủy sản nội địa có lãi gộp trong quý 2 năm 2019 là 85 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm 2018 lỗ 39,6 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 124,6 tỷ đồng;
3. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 99,59% (tương ứng 188 tỷ đồng) chủ yếu do quý 2 năm 2018 có khoản lãi 112 tỷ đồng từ việc thoái vốn Công ty CP Thức Ăn Chăn Nuôi Việt Thắng và 77 tỷ đồng từ nguồn cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty con.
4. Chi phí tài chính giảm 14,6 tỷ đồng, tương đương 30,03% chủ yếu do lãi vay giảm 13 tỷ đồng, tương đương 28,17%.
5. Chi phí bán hàng giảm 37,72% (tương ứng 23,9 tỷ đồng) chủ yếu do các chi phí bán hàng liên quan như vận chuyển, lưu kho, giao nhận, chi phí bảo hiểm giảm 26,9 tỷ đồng.
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 88,23% (tương ứng 62,2 tỷ đồng) chủ yếu do Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong quý 2 năm 2019, trong khi cùng kỳ năm 2018 trích dự phòng 61,3 tỷ đồng.
7. Các chỉ tiêu khác ảnh hưởng không đáng kể.

Ảnh hưởng của các yếu tố trên làm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2 năm 2019 tăng 129,26% so với cùng kỳ năm 2018, tương đương tăng 115,4 tỷ đồng.

Trên đây là giải trình cho các thay đổi trọng yếu của số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh riêng quý 2 năm 2019 so với quý 2 năm 2018 của Công ty Cổ Phần Hùng Vương.  
Trân trọng.



**DƯƠNG NGỌC MINH**

Nơi nhận: - Như trên  
- Bộ phận tài chính kế toán